

## CHI TIẾT CÂU A B Đ THI

Tên Bộ Đề Thi: qn

Môn học: CÔNG NGHỆ MAY\_TN\_TC\_2009\_8

Thời gian thi: 60

Giáo viên soạn đề: (đã duyệt và ký tên)

Số câu hỏi: 153

Ngày soạn đề: 13/09/2012 (NVKT: admin)

Câu 1:    Điểm mí lũng không bị vón.

A.    Điểm mí lũng không bị vón.



B.    Điểm mí lũng không bị sếp mí.

C.    Điểm mí lũng không bị nhẵn.

D.    Điểm lũng quăn không bị bai, giãn.

Câu 2:    Công thức hõ đáy quăn tây nơ (nơu vòng đáy đo cong):

A.     $\frac{1}{2}$  Số đo vòng đáy



B.    Số đo vòng đáy x 4/10

C.     $\frac{1}{4}$  vòng mông + 3cm

D.     $\frac{1}{4}$  vòng mông

Câu 3:    Chỉ số dài đường xõ của quăn tây được xác định:

A.    =  $\frac{2}{3}$  đường hõ mông.

B.    = Hõ đáy - (4->6cm).



C.    = Hõ mông +1 cm.

D.    = Hõ mông.

Câu 4:    Các dấu bõm có công dụng gì

A.    Điểm sang dấu chính xác



B.    Điểm may và lóp ráp chính xác

C.    Điểm thiét kó chính xác

D.    Điểm xác định đường may khi bay phõn

Câu 5:    Đường may mí nẹp của viền dõp lớt vào trong có tác dụng:

A.    Trang trí sõn phõm dõp hõn.

B.    Giúp sõn phõm thêm bõn chõc.



C.    Đẽ mí võn và làm cho nẹp không le mí ra mốt phõn sõn phõm.

D.    Tốt cõ các câu trên đều sai.

Câu 6:    Cõn tũ và đấp tũ dõn cõa tũ m 2 viền là võn:

A.    Canh ngang.

B.    Canh dõc.



C.    Canh xéo.

D.    Canh nào cũng đõc.

Câu 7: Đãi với áo sơ mi vạt bâu, thành phẩm lai áo thường bằng:

-  A. 0,5cm.
- B. 1 cm.
- C. 2 cm.
- D. 2,5 -> 3 cm.

Câu 8: Khi may nối lông ngoài với lông trong đối với tra lông thường quần tây, đường may cách keo:

- A. 0,1 cm.
-  B. 0,2 cm.
- C. 0,3cm .
- D. 0,5 cm.

Câu 9: Áo nỉ pence ngang, bán thành phẩm thân trước và thân sau có số n áo lách là do:

- A. Công thức dài áo sai
- B. Công thức h eo sai
- C. Công thức h nách sai
-  D. Công thức cạp thiết kế

Câu 10: Chỉu dài hai bên nẹp áo sơ mi không bằng nhau là do:

- A. Không ủi lai áo cho êm phẳng trước khi diu lai.
-  B. Không kiểm tra độ dài xing hai bên nẹp áo trước khi may lai.
- C. Không ép keo nẹp áo để dài áo không bị nhăn rút.
- D. Không gặt lai áo cho thẳng khi may lai.

Câu 11: Khi tra bâu sơ mi vào thân, ta đặt như sau:

-  A. Thân áo nằm dưới, mặt phải hướng lên, bâu áo nằm trên, mặt phải hướng lên. Thân áo le ra ngoài so với chân bâu 1 mm.
- B. Thân áo nằm dưới, mặt phải hướng lên, bâu áo nằm trên, mặt phải hướng lên. Chân bâu le ra ngoài so với thân áo 1 mm.
- C. Bâu áo nằm dưới, mặt phải hướng lên, thân áo nằm trên, mặt phải hướng lên. Thân áo le ngoài ra so với chân bâu 1 mm.
- D. Bâu áo nằm dưới, mặt phải hướng lên, thân áo nằm trên, mặt phải hướng lên. Chân bâu le ra ngoài so với thân áo 1mm.

Câu 12: Có bao nhiêu cách đo h đáy quần tây:

- A. Có 4 cách đo
- B. Có 3 cách đo
-  C. Có 2 cách đo
- D. Có 1 cách đo

Câu 13: Công thức dài áo thân trước của áo nam căn bản:

-  A. Số đo dài áo – chòm vai + lai
- B. Số đo dài áo + chòm vai + pen
- C. Số đo dài áo + chòm vai + lai
- D. Số đo dài áo – chòm vai + pen

Câu 14: Công thức dài áo thân trước của áo đầm (có dùm chân ngực):

- A. Số đo dài áo – chằm vai + lai
-  B. Số đo dài áo + pen ngang + lai
- C. Số đo dài áo + pen dọc + lai
- D. Số đo dài áo – chằm vai + pen

Câu 15: Miếng túi m 1 viên quần tây bị xéo do :

-  A. Hai đường may định hình miếng túi bị so le.
- B. May chún l ỏi gà quá góc b ỉm.
- C. Quá trình may kéo thân quá nhiều.
- D. B ỉm m ỉ l ỏi gà ch ĩa t ỏi góc.

Câu 16: Đối với người Việt Nam, trung bình chiều cao cơ thể được chia làm mấy phần đều:

-  A. 6,5
- B. 7,5
- C. 8,5
- D. 9,5

Câu 17: Đối với đường x ỉm m ặt tr ớc kho ảng cách t ừ đường g ỉa thân đến c ạnh xiên được tính:

- A.  $\frac{1}{2}$  thành phẩm tr ớc + 2 mm.
-  B.  $\frac{1}{2}$  thành phẩm tr ớc + 2,5 mm.
- C.  $\frac{1}{2}$  thành phẩm tr ớc + 2,5 cm.
- D. Thành phẩm tr ớc + 2,5 mm.

Câu 18: Vị trí túi ngực trên áo sơ mi nam là :

- A. Cách c ạnh ngoài n ẹp áo 3-4cm, t ừ vai con thành phẩm đo xu ớng 17-19cm.
- B. Cách c ạnh ngoài n ẹp áo 4-6cm, t ừ vai con thành phẩm đo xu ớng 19-24cm.
-  C. Cách c ạnh ngoài n ẹp áo 6,5cm, t ừ vai con thành phẩm đo xu ớng 18-21cm.
- D. Cách vòng nách 4 -6 cm, t ừ vai con thành phẩm đo xu ớng 18-21cm.

Câu 19: Vì sao áo n ữ có pen ngang không c ần sa v ết?

-  A. Pen ngang đóng l ỏi làm sa v ết
- B. B utton ph ải có sa v ết n ếu không sẽ bị h ết
- C. Nh ặt thi ết ph ải có sa v ết
- D. Có th ể không c ần sa v ết

Câu 20: Không v ết góc keo đ ầu lá bâu s ỉm s ỉ gây ra sai h ớng:

- A. Hai đ ầu lá bâu không đ ỏi x ớng.
-  B. Hai đ ầu lá bâu không nh ỏn góc.
- C. Hai đ ầu chân c ỏ không đ ỏi x ớng.
- D. Hai đ ầu h ớng c ỏ không b ớng nhau.

Câu 21: Chọn ép miếng keo mỏng lên mặt trong thân trước miếng túi xéo nhúm:



- A. Miếng túi không bị giãn trong lúc may.
- B. Dạy may các đường diều và mí miếng túi.
- C. Định vị để xéo miếng túi.
- D. Giúp cho miếng túi không bị phồng.

Câu 22: Hãy tìm biện pháp khác phức khi sốn áo thân trước và thân sau bị lách:

- A. Kiểm tra công thức dài áo
- B. Kiểm tra công thức h nách tay
- C. Kiểm tra công thức h eo



- D. Tất cả đều đúng

Câu 23: Đắp túi của túi được khâu hai bề mặt mí do:

- A. Khi may đắp túi vào sốn thân kéo căng đắp túi.
- B. Không mí đắp túi trước khi may diều miếng túi.
- C. Không để cho đắp túi nằm êm khi may đắp túi vào sốn.
- D. Khi may đắp túi vào thân may cách sốn thân 1mm.



Câu 24: Nêu cách xếp vải thân trước quần tây: Xếp hai bên vải trùng nhau, ..... quay vải phía ngoài cật. Tép mép vải đo vào 2cm đường may sau khi cật bề biên

- A. Mép vải



- B. Biên vải

- C. Đường gấp đôi
- D. Canh sối

Câu 25: Yêu cầu kỹ thuật khi tra lông quần tây kiểu 1:

- A. Lông không vón, bề lông to đều, đều lông vuông thành sọc cãnh, chèn passant đúng vị trí.
- B. Lông phải êm, không nhăn, không vón, chèn passant đúng vị trí, đường may mí êm, thẳng.
- C. Lông không nhăn, vón, bề lông to đều, đều lông vuông thành sọc cãnh, chèn passant đúng vị trí, đường may mí êm, thẳng.
- D. Lông quần êm phẳng, đường may mí êm, thẳng, đều lông vuông thành sọc cãnh.



Câu 26: Thông số chiều cao keo cùi túi mũ 1 viền quần tây được cật như sau :

- A. Thành phẩm cùi túi + 1,5 cm.
- B. Thành phẩm cùi túi x 2.
- C. Thành phẩm cùi túi x 2 + 1,5 cm.
- D. Tùy ý.



Câu 27: Nêu cách xếp vải thân trước áo (có cài nút): sau khi đã cật bề biên tép mép vải đo vào 3cm làm .....



- A. Đường định áo
- B. Đường nút
- C. Đường khuy
- D. Đường mép nếp

Câu 28: Đòi với may lũng m quần tây khi may nối cãnh lũng trên của lũng ngoài với lũng trong yêu cầu:

- A. Đòi ng may cách keo 1-2 cạnh sồi .
- B. Đòi ng may cách keo 1 – 2 mm.
-  C. Đòi ng may cách keo 3mm.
- D. Đòi ng may cách keo 5 cạnh sồi .

Câu 29: Sau khi viển xong viển tròn, đòi ng viển b sếp mí là do:

- A. Không gặt bặt mép với sau khi may định hình dây viển vào thân.
- B. Không bằm nhúng phn cong (vòng c hoặc vòng nách).
-  C. Chiếu ngang dây viển không đ rỗng đ b c mép với viển.
- D. Cắt dây viển không đúng cạnh xéo  $45^0$ .

Câu 30: Trớc khi tra bầu sồi vào thân áo, ta phải lly d 3 điểm k thuật trên bầu, đó là nhng điểm:

- A. Định áo, giữa c sau, vai con.
- B. Gài nút, định áo, giữa c sau.
-  C. Giữa c sau và 2 điểm vai con.
- D. Định áo và 2 điểm vai con.

Câu 31: Công thức h nách tay áo của áo n:

-  A.  $1/10$  vòng ngực + 3cm
- B.  $1/4$  vòng ngực - 3cm
- C.  $1/4$  vòng ngực + 3cm
- D.  $1/10$  vòng ngực - 3cm

Câu 32: Trong may công nghiệp, khi cắt với ca-rô đòi c thức hiển nh thế nào:

- A. Cắt tng chỉ tiết cạnh s c cho đều
- B. Cắt tng c p chỉ tiết cạnh s c cho đều
-  C. Cắt b ng c, m t chỉ tiết cắt hoàn chỉnh, m t chỉ tiết dọc s n
- D. Cắt b ng c, cắt chính xác hai chỉ tiết

Câu 33: Thế t đ t lá bầu, chân bầu ngoài, chân bầu trong khi may c p lá ba:

- A. Chân bầu trong n m d i, m t ph i h ng lên, lá bầu n m g i a, lá có ép keo h ng lên, trên cùng là chân bầu ngoài, m t ph i h ng lên.
-  B. Chân bầu trong n m d i, m t ph i h ng lên, lá bầu n m g i a, lá có ép keo h ng lên, trên cùng là chân bầu ngoài, m t trái h ng lên.
- C. Chân bầu ngoài n m d i, m t ph i h ng lên, lá bầu n m g i a, lá có ép keo h ng lên, trên cùng là chân bầu trong, m t ph i h ng lên.
- D. Chân bầu ngoài n m d i, m t ph i h ng lên, lá bầu n m g i a, lá có ép keo h ng lên, trên cùng là chân bầu trong, m t trái h ng lên.

Câu 34: Trong s n xuất may công nghiệp (s n xuất hàng loạt) làm sao cho các chỉ tiết cùng màu :

-  A. Đánh s chỉ tiết
- B. Ph i chỉ tiết
- C. X p ki n

D. Bóc túi

Câu 35: Phép đo ngang vai

A. Từ vai trái sang vai phải

B. Từ tay này sang tay kia

C. Từ đốt xương vai này sang đốt xương vai kia



D. Từ đầu vai trái sang đầu vai phải

Câu 36: Đeo bầu áo sơ mi đẹp thì kéo bầu sơ mi cần đi cạnh sườn:

A. Song song với biên

B. Canh chéo tùy ý

C. Vuông góc với biên



D. Chéo với biên  $45^\circ$

Câu 37: Đeo với túi chéo quần tây khi may đắp túi vào lót túi ta đắp túi cách lót túi:



A. 1 -> 1,5 cm.

B. 2,5 -> 3 cm.

C. 4 cm.

D. Tùy ý.

Câu 38: Dài quần tây nam cần bẻn = 100cm, hãy tính hõng cho mặt quần tây lửng có dài quần là 78cm (trong đó bẻn lửng 4cm):



A. 51cm

B. 44cm

C. 55cm

D. 48cm

Câu 39: Nguyên nhân nào làm cho lộn manchet trong bẻn le mí :

A. May lộn manchet không may đúng đường thành phẩm.

B. Không gặt bẻn mép với khi lộn manchet.



C. Khi diều manchet không về sát mép với.

D. Không lấy dũa đũa xương trở lộn trở nhò trở c khi tra manchet.

Câu 40: Công thức hõng quần tây nam cần bẻn:

A.  $\frac{1}{2}$  S đo vòng đáy

B. S đo vòng đáy x  $\frac{4}{10}$

C.  $\frac{1}{4}$  vòng hông + 3cm



D.  $\frac{1}{4}$  vòng hông

Câu 41: Ép keo cũi túi m 2 viền quần tây được thực hiện như sau :

A. Ép keo lên mặt trái cũi túi, cách cạnh dũi cũi a cũi túi khoảng 2,5 cm.



B. Ép keo lên mặt trái cũi túi, sát cạnh trên cũi a cũi túi.

C. Cắt keo bằng cũi túi, ép keo lên mặt trái cũi túi.

D. Ép keo lên mặt trái cùi túi, cách cõnh dõ i cõa cùi túi tùy ý.

Câu 42: Công thức cắt bõ rõng nõp viõn cõa đõng viõn đõp lõt ra ngoài là:

A.  $2 \times (3 \text{ lõn thành phõm viõn} + 2 \text{ mm})$ .

B.  $4 \text{ lõn thành phõm viõn} + 2 \text{ mm}$ .

 C. Thành phõm viõn (  $2,5 \rightarrow 3 \text{ cm}$  ) +  $1,2 \text{ cm}$  đõng may .

D. Thành phõm viõn +  $0,5 \text{ cm}$  đõng may.

Câu 43: Miõng túi mõ 1 viõn bõ bít kín do :

 A. Không kéo đáp túi trên lên khi may điõu miõng túi dõ i.

B. May chõn lõ i gà không kéo đáp túi trên lên.

C. Không vuõt êm chi tiõt khi may chõn lõ i gà.

D. Bõm mõ lõ i gà chõa tõi góc.

Câu 44: Tác đõng cõa viõc tăng thêm dài ( $0,3 \text{ cm}$  đõn  $1 \text{ cm}$ ) cho sõng lõng thân sau (đõn lai áo) do nguyên nhân gì:

 A. Đõng may sõng lõng làm rút võ i khi may

B. Tõo cho lai thõng đõp khi ráp sõng lõng

C. Đõng sõng lõng không bõ gấ

D. Đõ vuõt áo không bõ hõt

Câu 45: Đõ cắt nõp trõ đõng xõ không trõ ta cõn sang đõu các đõng ... .. trên thân áo:

A. Vai con, vòng nách, vòng cõ.

 B. Vai con, vòng cõ.

C. Vai con, vòng nách, sõõn áo.

D. Vai con, vòng cõ, lai áo.

Câu 46: Công đõn may chõn lõ i gà cõa túi mõ 1 viõn đõc thõc hiõn nhõ sau :

A. Lõn tõt cõ cõi+đáp túi, lõ i gà vào bên trong lót túi, vuõt êm 2 đáp túi nõm võ 2 phía, cõi túi che kín miõng túi, may chõn lõ i gà 2 đõu miõng túi.

B. Lõn tõt cõ cõi+đáp túi, lõ i gà vào bên trong lót túi, vuõt êm 2 cõi túi nõm võ 2 phía, cõi túi che kín miõng túi, may chõn lõ i gà 2 đõu miõng túi.

 C. Lõn tõt cõ cõi+đáp túi, lõ i gà vào bên trong lót túi, kéo đáp túi trên xuõng vuõt cho êm phõng, cõi túi che kín miõng túi, may chõn lõ i gà 2 đõu miõng túi.

D. Lõn tõt cõ đáp túi, lõ i gà vào bên trong lót túi, kéo đáp túi trên lên vuõt êm 2 đáp túi, cõi túi che kín miõng túi, may chõn lõ i gà 2 đõu miõng túi.

Câu 47: Công thõc dài áo thân sau cõa áo nam (có sõng lõng):

A. Sõ đo dài áo - chõm vai + lai

B. Sõ đo dài áo + chõm vai + pen

 C. Sõ đo dài áo + chõm vai + lai

D. Sõ đo dài áo – chõm vai + pen

Câu 48: Mõc đích cõa viõc lõy đõu chia thun quõn làm 4 đõn bõng nhau đõ:

 A. Khoõng cách thun đõc dàn đõu trên lõng quõn.

B. Diõu thun đõu và dõ hõn.

- C. Diều thun không bị nhăn vụn.
- D. Diều thun không bị xẹp lý xẹp cá.

Câu 49: Công thức ngang vai thân sau của áo sơ mi nam:



- A.  $\frac{1}{2}$  vai + 1,5cm
- B.  $\frac{1}{2}$  vai + 1cm
- C.  $\frac{1}{2}$  vai + 0,5cm
- D.  $\frac{1}{2}$  vai

Câu 50: Hãy tính định mức vải áo sơ mi nữ, tay ngắn theo thông số sau: vòng ngực 88cm, vòng hông 100cm, cạp quần toàn phần vòng ngực và vòng hông = 6cm, dài tay 18cm, đường may sườn 1,5cm, nếp 3cm, định 1,5cm, chập nhún biên vải, khoét thọc từ 1,15 m:



- A. 2(dài áo + lai + đường may)
- B. 1 dài áo + 1 dài tay + lai + đường may + 30cm
- C. 1 dài áo + 1 dài tay + lai + đường may
- D. 1dài áo + 1 dài tay + 2(lai + đường may)

Câu 51: May chún lười gà của tay áo theo hình trên:



- A. Trên tay lười và mép lười gà ở một phía của tay áo.
- B. Trên tay lười và mép lười gà ở một phía của tay áo.
- C. Trên tay nhún và mép vải lười gà ở một phía tay áo.
- D. Trên tay nhún và mép vải lười gà ở một phía tay áo.

Câu 52: Giặt hần dây kéo quần tây nam:



- A. 11cm ÷ 13cm
- B. 15cm ÷ 17cm
- C. Hông hông + 2cm
- D. Tùy theo hần đáy quần

Câu 53: Công đoạn nào sau đây không có trong quy trình may đường xẻ 1 tr:



- A. May định hình đường xẻ tr.
- B. May diều cúnh trong nếp khuy.
- C. May chún lười gà.
- D. May diều hoàn chỉnh tr.

Câu 54: Cho thành phẩm nếp viền dáp lót ra ngoài là 3cm thì cấn cắt BTP nếp là :



- A. 3,5cm.
- B. 4,2cm.
- C. 4,7cm.
- D. 5cm.

Câu 55: Khi may lười mún cún phía có miệng lót đều lười vì:

- A. Láp vải lót và lười vải chính khác nhau.
- B. Độ tăng tính thóm mún khi sún dún.

C. Giảm bớt độ cộm.



D. Tất cả đều đúng.

Câu 56: Công thức h eo thân sau của áo n có decup:

A. Số đo h eo – ch om vai + lai

B. Số đo h eo + ch om vai + pen



C. Số đo h eo + ch om vai + lai

D. Số đo h eo – ch om vai + pen

Câu 57: Tác dụng của đường diu c nh trên của l ng:

A. Đ p l ng trong n m êm.

B. Giúp l ng trong không b loe mí ra ngoài.

C. Tạo dáng cho l ng qu n cong đều.



D. Giúp l ng trong không b loe mí và n m êm.

Câu 58: Công thức ngang vai thân tr c của áo s mi nam:

A.  $\frac{1}{2}$  vai + 1,5cm

B.  $\frac{1}{2}$  vai + 1cm

C.  $\frac{1}{2}$  vai + 0,5cm



D.  $\frac{1}{2}$  vai

Câu 59: Công thức ngang ngực thân sau của áo đ m (có c đ ng toàn ph n 4cm):

A.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 1,5cm

B.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 1cm



C.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 0,5cm

D.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 2cm

Câu 60: Khi tra bầu lá sen vào thân, 2 đầu lá bầu ta đ t :

A. Trùng đ ng g p n p.



B. Trùng đ ng gài nút.

C. Cách đ ng gài nút 1 -> 1,5 cm.

D. Cách đ ng gài nút 2 -> 2,5 cm.

Câu 61: Các thông số đo các vòng ngang trên c th là:

A. Tất cả đều đúng

B. Vòng c, vòng ngực, vòng eo, vòng hông, vòng đùi, vòng ng, vào đáy

C. Vòng c, vòng ngực, vòng eo, vòng hông, vòng đùi, vòng ng, vòng nách



D. Vòng c, vòng ngực, vòng eo, vòng hông, vòng đùi, vòng ng

Câu 62: Hai đầu l ng qu n tây không b ng nhau do :

A. Không l y d u trên thân tr c khi tra l ng.

B. Đường may tra l ng không ng m đầu mép v i.

C. Khi ráp đáy 1 đoan không kiểm tra 2 đầu lũng.



D. Tất cả đều đúng.

Câu 63: Lũng vấy bở vẩn do:

A. Không ép keo lũng vấy.

B. Không thiết kế lũng theo đường thông.



C. Thiết kế lót lũng trong không đúng cạnh sới.

D. Không điều chỉnh lũng trên.

Câu 64: Sau bước may định hình viền dóp lót ra ngoài, bước công việc tiếp theo là:

A. Bơm và may mí trên thân và mép vôi dóp.

B. Bơm và may mí trên nẹp và mép vôi dóp.



C. Lót thân và nẹp vôi cùng mặt bên, diều trên cả thân và nẹp cách mép gộp 1mm.

D. Lót thân và nẹp vôi cùng mặt bên, diều trên cả thân và nẹp cách mép gộp bằng thành thành phẩm viền.

Câu 65: Nguyên nhân làm cho 2 bên vòng cổ của đường xỏ không trùng bở so le là:

A. Lẫy dẫy định hình trùng không chính xác.

B. May không đúng đường thành phẩm.

C. Bơm xỏ trùng chừa sát góc trùng.



D. Không kiểm tra sới dẫy xỏ trùng trùng khi tra cả.

Câu 66: Công thức hỏ mông của áo dỏm:



A.  $\frac{1}{4} VM - 3cm \rightarrow 4cm$

B.  $\frac{1}{4} VM + 3cm \rightarrow 4cm$

C.  $\frac{1}{4} VM + 1cm \rightarrow 2cm$

D.  $\frac{1}{4} VM - 1cm \rightarrow 2cm$

Câu 67: Công thức dài áo thân sau của áo dỏm (có dùm chân ngực):



A. Sới đo dài áo + 2cm (mỏo cả) + lai

B. Sới đo dài áo + pen ngang + lai

C. Sới đo dài áo + pen dỏc + lai

D. Sới đo dài áo + 2cm (mỏo cả) + pen ngang

Câu 68: Tác dụng của can túi trong quần tây:

A. Giữ cho miệng túi thông, không nhăn

B. Cho thân trước khỏi bị căng



C. Giữ cho lót túi êm phẳng, không giật và hỏ miệng túi

D. Tạo thêm mỏ cho sỏn phẩm

Câu 69: Khi mí 2 cởnh nẹp của đường xỏ không trùng ngỏi ta thông mí tỏ dỏm cả dỏn cách dỏm cuối đường xỏ là:

A. 0,5cm.



B. 1cm.

- C. 1,5cm.
- D. 2 cm.

Câu 70: Chiều dài bán thành phom dây viền của bâu lá sen được tính như sau:

- A. = vòng cổ đo trên thân áo (đã ráp vai con).
- B. = vòng cổ đo trên cổ thò.
-  C. = vòng cổ đo trên thân áo (đã ráp vai con) – phần gài nút.
- D. = vòng cổ đo trên cổ thò - phần gài nút.

Câu 71: Hãy cho biết khi thiết kế một dài áo ngắn hơn dài áo căn bản (chưa đến ngang hông), vòng hông được tính:

-  A. Vòng hông ngay vị trí dài áo
- B. Vòng hông nội to nhất + cổ đứng
- C. Vòng hông nội to nhất - cổ đứng
- D. Vòng hông căn bản

Câu 72: Để vẽ được xỏ một trổ, để thành phom là áo nam hay áo nữ cần lưu ý 3 bước nào?

-  A. Xác định vị trí xỏ trổ trên thân và nẹp.
- B. May định hình nẹp vào thân.
- C. Xỏ trổ, tra bâu vào thân.
- D. Diều thành phom trổ và khóa chân trổ.

Câu 73: Nguyên nhân làm cho lá chân cổ trong ( lá không ép keo) áo sơ mi bị vênh :

- A. May cặp lá ba không kéo căng lẹp vải.
- B. Tra cổ không sát mép đứng may béc chân bâu.
-  C. Mí chân cổ không đúng đầu ba điểm kế thuật.
- D. Cột lá chân cổ trong bị sai canh sợi.

Câu 74: Hãy sắp xếp lại quy trình tra lông kiêu 1( tra lông thông) theo đúng thứ tự:

- A. Diều cánh trên của lông.
- B. Nội lông ngoài với lông trong + gọt lòn đầu lông trái.
- C. Vẽ gập cánh dưới lông.
- D. Tra lông vào thân quần.
- E. Ép keo lông ngoài.
- F. May đầu lông bên phải.
- G. Mí lông + diều passant.
- A. E, B, C, D, A, F, G.

-  B. E, B, A, C, D, F, G
- C. E, B, A, F, C, D, G.
- D. E, B, A, D, F, C, G.

Câu 75: Công thức hớ nách thân trổ của áo nam căn bản:

- A.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 2 lòn chòm vai
-  B.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 2cm
- C.  $\frac{1}{2}$  vòng nách + chòm vai
- D.  $\frac{1}{2}$  vòng nách – chòm vai

Câu 76: Trong may míc công nghiệp thông số dùng tra lũng m quĩn tây vì:



- A. Lũng m may nhanh hơn lũng thông bmic mí lũng.
- B. Lũng m mic êm hơn.
- C. Lũng m mic đp hơn.
- D. Lũng m hút m hôi hơn kiểu tra lũng thông.

Câu 77: Nêu cách xpp với thân sau áo (gpp đôi): Tó mép với đo vào bũng ..... thân trmic + đũng may, xpp đôi với lĩi.

- A. Ngang ngic
- B. Ngang vai



- C. Ngang mông
- D. Ngang eo

Câu 78: Đáp túi trên cĩa túi m 2 vĩn không che kín lót túi do :



- A. Xác đĩnh vị trí đáp túi trên khi may vào lót túi bĩ sai.
- B. May chĩn lĩi gĩa không kéo đáp túi trên lên.
- C. Không vutĩt êm chỉ tĩt khi may chĩn lĩi gĩa.
- D. Không kéo lót túi lên khi may diũu mĩng túi trên.

Câu 79: Phũng pháp đo dài áo

- A. Tĩ chân cĩ đĩn mông
- B. Tĩ đũu vai đĩn mông
- C. Tĩ chân cĩ đĩn dài tùy ý



- D. Tĩ đĩt cĩ thĩ 7 đĩn dài tùy ý

Câu 80: Lũy diũu vị trí đũng xĩ mĩt trĩ trên thân đĩi áo nĩ ĩ phĩa:

- A. Lũch vĩ phĩa bên phĩi cĩa ngĩĩi mic.
- B. Lũch vĩ phĩa bên trái cĩa ngĩĩi mic.
- C. Giĩa thân áo.
- D. Cách đũng giĩa cĩ mĩi bên là  $\frac{1}{2}$  thành phĩm nĩp trĩ.



Câu 81: Mĩng túi xĩ không ỏm sát thân quĩn do:

- A. Đĩnh vĩ mĩng túi trên thân sai.
- B. May chĩn 2 đũu mĩng túi không vutĩt êm chỉ tĩt.
- C. Không diũu mĩng túi đũng 0,7cm.
- D. Không vutĩt êm lót túi trĩĩc khi may cuĩn gĩa túi.



Câu 82: Ớp keo cĩi túi m 1 vĩn quĩn tây nhĩ sau :

- A. Ớp keo lên mĩt trái cĩi+đáp túi, cách cĩnh đĩĩi cĩa cĩi+đáp túi khoĩng 1,5 cm.
- B. Ớp keo lên mĩt trái cĩi+đáp túi, cách cĩnh đĩĩi cĩa cĩi+đáp túi khoĩng 3cm.
- C. Cĩt keo bũng cĩi+đáp túi, Ớp keo lên mĩt trái cĩi+đáp túi.
- D. Ớp keo lên mĩt trái cĩi+đáp túi, cách cĩnh đĩĩi cĩa cĩi+đáp túi tùy ý.



Câu 83: Hãy tính định mức vải áo sơ mi nữ, tay ngắn theo thông số sau: vòng ngực 80cm, vòng hông 90cm, cạp đũng toàn phần vòng ngực và vòng hông = 6cm, dài tay 18cm, độ rộng may sườn 1,5cm, nếp 3cm, đỉnh 1,5cm, chập nhún biên vải, khoét thọc từ 1,15 m:

- A.  $2(\text{dài áo} + \text{lai} + \text{độ rộng may})$
-  B.  $1 \text{ dài áo} + 1 \text{ dài tay} + \text{lai} + \text{độ rộng may} + 30\text{cm}$
- C.  $1 \text{ dài áo} + 1 \text{ dài tay} + \text{lai} + \text{độ rộng may}$
- D.  $1 \text{ dài áo} + 1 \text{ dài tay} + 2(\text{lai} + \text{độ rộng may})$

Câu 84: Phương pháp đo hõm xuôi vai của áo

- A. Không có cách đo
- B. Tính theo công thức  $1/10$  vai
- C. Tọa chân cạp đũng điểm đầu vai
-  D. Tọa đụt cạp thọc 7 đũng dây phồng ngang vai

Câu 85: Đối với túi mũ 1 viền, gập đôi lót túi về phía trên được thực hiện khi may công đơn :

-  A. Diều mí miệng túi trên.
- B. Diều mí miệng túi dưới.
- C. May chún lộn lại gò.
- D. Ngay khi may định hình miệng túi.

Câu 86: Chuẩn bị chi tiết khi may mũ túi mũ 1 viền cún :

- A. Cạp túi x1, nắp túi x1, keo cạp túi x1, lót túi x1, thân x1.
-  B. Cạp túi + nắp túi x1, keo cạp túi x1, lót túi x1, thân x1.
- C. Nắp túi trên x1, nắp túi dưới x1, keo cạp túi x1, lót túi x1, thân x1.
- D. Cạp túi x1, nắp túi trên x1, nắp túi dưới x1, keo cạp túi x1, lót túi x1, thân x1.

Câu 87: Áo nữ pence dẹt, bán thành phồng thân trước và thân sau có sườn bẻ lách, nếu có hõm nách trước = 18cm, hõm nách sau = 22 cm và chún vai = 2cm. Hãy tìm nguyên nhân sai hỏng là do:

- A. Công thức ngang ngực sai
- B. Công thức hõm nách tay sai
-  C. Công thức dài áo sai
- D. Công thức hõm eo sai

Câu 88: Công thức dài áo thân trước của áo nữ có decup:

- A. Số đo dài áo – chún vai + lai
- B. Số đo dài áo + chún vai + pen
- C. Số đo dài áo + chún vai + lai
-  D. Số đo dài áo – chún vai + pen

Câu 89: Nguyên nhân làm cho độ rộng xấp xỉ mũ trở nên bẻ góc là :

- A. Bẻ mũ xấp xỉ trở về qua độ rộng may định hình.
- B. Bẻ mũ xấp xỉ trở về chún đũng độ rộng may định hình.
- C. May chún lộn lại gò không kéo cho trở về sát góc.

 D. Điều chỉnh phom tr và khoá chân tr không kéo cho tr che sát góc.

Câu 90: Ph pháp đo h eo áo

A. Tr chân c đến ngang eo

 B. Tr đút sng c th 7 đến dây ph tr ngang eo

C. Tr đút sng c th 6 đến dây ph tr ngang eo

D. Tr đầu vai đến dây ph tr ngang eo

Câu 91: Chuẩn bị chi tiết khi may m t tui m 2 v n c n :

 A. C i tui + đáp tui d i x1, đáp tui trên x1, keo c i tui x1, lót tui x1, thân x1.

B. C i tui + đáp tui x1, keo c i tui x1, lót tui x1, thân x1.

C. Đáp tui trên x1, đáp tui d i x1, keo c i tui x1, lót tui x1, thân x 1.

D. C i tui x1, đáp tui trên x1, đáp tui d i x1, keo c i tui x1, lót tui x1, thân x1.

Câu 92: Áo m c b h v t là do :

A. Không có ch m vai

B. Không gi m s n áo

 C. C ng c đ ng m ng ít

D. C ng sa v t ít

Câu 93: Nguyên nhân làm cho l p manchette trong ( lá không ép keo ) bị d n:

A. Do không ép keo l p manchette trong.

B. Khi may l n manchette không kéo căng l p manchette ngoài.

 C. Khi may l n manchette không kéo căng l p manchette trong.

D. C t l p manchette trong sai canh s i.

Câu 94: Ng i có vai g y (nh ), nên ch n lo i tay áo nào:

A. Tay loe

 B. Tay ph ng

C. Tay sát nách

D. Tay căn b n

Câu 95: N u nút có đ ng kính 25mm thì kho ng cách t đ ng đỉnh áo đến đ ng khuy nút có th là bao nhiêu:

 A. 3cm

B. 2cm

C. 1,5cm

D. 4cm

Câu 96: Công th c ngang eo thân tr c c a áo n có decup:

 A. ¼ vòng eo + pen d c + c đ ng

B. ¼ vòng eo + pen ngang + c đ ng

C. ¼ vòng eo + c đ ng

D. Ngang ngực – 2cm

Câu 97: Áo nũ khi thiết kế có dún chân ngực cũn phải dĩa vào rập căn bĩn nào:

A. Rập căn bĩn không pence



B. Rập căn bĩn có pen dũc và pen ngang

C. Rập căn bĩn có pen ngang

D. Rập căn bĩn có pen dũc

Câu 98: Các thông số đo chiũu dài trên cũ thũ là:

A. Ngang ngực, ngang eo, ngang mũng



B. Dài áo, dài quũn, hũ eo, hũ gũĩ

C. Dài áo, dài quũn, dang ngực, chéo ngực

D. Dài áo, dài quũn, hũ nách tay, hũ đũy quũn

Câu 99: Chiũu ngang BTP dũy viũn cũa đũũng viũn tròn đũĩ có thành phũm viũn = 0,6 cm, là:

A. 2,6 cm.

B. 2,8 cm.



C. 4cm.

D. 4,4 cm.

Câu 100: Công thũc cũt bũ rũũng nũp viũn cũa đũũng viũn dũp lĩt vũ trong là:

A.  $2 \times (3 \text{ lĩn thành phũm viũn} + 2 \text{ mm})$ .

B.  $4 \text{ lĩn thành phũm viũn} + 2 \text{ mm}$ .

C. Thành phũm viũn + 1,2cm đũũng may.



D. Thành phũm viũn + 0,5 cm đũũng may.

Câu 101: Công thũc hũ nách thân sau cũa áo nũ có decup:

A.  $\frac{1}{4}$  vũng ngực + 2 lĩn chũm vai

B.  $\frac{1}{4}$  vũng ngực + 2cm



C.  $\frac{1}{2}$  vũng nách + chũm vai

D.  $\frac{1}{2}$  vũng nách – chũm vai

Câu 102: Cách xác đũnh vĩ trí tũĩ mũ 1,2 viũn ũ thân sau quũn tũy nam là :

A. Cách thành phũm lũũng 4->6 cm.



B. Cách thành phũm lũũng 6->7 cm.

C. Cách thành phũm lũũng 7->9 cm.

D. Trũũng đũĩm cũĩ đũũng may plis thân sau.

Câu 103: Công thũc hũ nách thân trũũc cũa áo nũ có decup:

A.  $\frac{1}{4}$  vũng ngực + 2 lĩn chũm vai

B.  $\frac{1}{4}$  vũng ngực + 2cm

C.  $\frac{1}{2}$  vũng nách + chũm vai

D.  $\frac{1}{2}$  vũng nách – chũm vai



Câu 104: Hãy sắp xếp lại quy trình may túi mồi hai vón theo đúng thứ tự:

- A. Diều mí miệng túi trên.
- B. Bơm mồi miệng túi (bơm lều gà).
- C. May đáy túi trên vào lót túi.
- D. May hoàn chỉnh bao túi.
- E. May chún lều gà.
- F. Ép keo còi túi, rồi định hình còi túi.
- G. May định hình miệng túi.
- H. Diều mí miệng túi dều, may đáy túi dều vào lót túi.



- A. F, G, B, E, H, C, A, D.
- B. F, G, E, B, H, C, A, D.
- C. F, G, B, H, E, C, A, D.
- D. F, G, B, E, H, A, C, D.

Câu 105: Nếu thân trước áo nỉ bị hót vút là do nguyên nhân:

- A. Không giũm sườn
- B. Không căng sa vút
- C. Không căng cổ đứng ngang hông
- D. Không căng pen ngang



Câu 106: Cách xác định vị trí miệng túi dều kiểu 2 trên quần tây nam là:

- A. Từ trên lều thành phom xuống 3-> 4cm, dài miệng túi 13-> 15cm.
- B. Từ trên lều thành phom xuống 4-> 6cm, dài miệng túi 15-> 17cm.
- C. Từ trên lều thành phom xuống 3-> 4cm, dài miệng túi 15-> 17cm.
- D. Từ trên lều thành phom xuống 4-> 6cm, dài miệng túi 13-> 15cm.



Câu 107: Công thức dài áo thân sau của áo nỉ có decup:

- A. Số đo dài áo – chom vai + lai
- B. Số đo dài áo + chom vai + pen
- C. Số đo dài áo + chom vai + lai
- D. Số đo dài áo – chom vai + pen



Câu 108: Công thức ngang eo thân trước của áo nỉ không pen:

- A.  $\frac{1}{4}$  vòng eo + pen dều + cổ đứng
- B.  $\frac{1}{4}$  vòng eo + pen ngang + cổ đứng
- C.  $\frac{1}{4}$  vòng eo + cổ đứng
- D. Ngang ngực – 2cm



Câu 109: Giũm hún dây kéo quần tây nỉ:

- A.  $11\text{cm} \div 13\text{cm}$
- B.  $15\text{cm} \div 17\text{cm}$
- C. Hún hông + 2cm
- D. Tùy theo hún đáy quần



Câu 110: Khi cắt một sợi nhôm, yếu tố nào cần phải được chú ý nhất (quan trọng nhất):

- A. Canh sợi
-  B. Hướng đi sợi dây
- C. Độ co giãn
- D. Hoa văn

Câu 111: Đầu quai dẹt của quần tây được xác định tại :

- A. Thân quần trước bên trái.
- B. Thân quần trước bên phải.
- C. Càng bên với baget đôi.
-  D. Càng bên với baget đơn.

Câu 112: Áo đầm ôm cần bẻn, thiết kế công cụ dùng ngang ngực trước lộn hẻn ngang ngực sau là do:

- A. Công thức yêu cầu
- B. Tùy thuộc vào kiểu
-  C. Do cấu tạo cổ thỏ
- D. Do tính chất sợi nhôm

Câu 113: Công thức hẻ eo thân trước của áo nẻ có decup:

- A. Sẻ đo hẻ eo - chẻm vai + lai
- B. Sẻ đo hẻ eo + chẻm vai + pen
- C. Sẻ đo hẻ eo + chẻm vai + lai
-  D. Sẻ đo hẻ eo - chẻm vai + pen

Câu 114: Công thức dài áo thân trước của áo nẻ có decup:

- A. Sẻ đo hẻ eo – chẻm vai + lai
- B. Sẻ đo hẻ eo + chẻm vai + pen
- C. Sẻ đo hẻ eo + chẻm vai + lai
-  D. Sẻ đo hẻ eo – chẻm vai + pen

Câu 115: Đầu với bầu sẻmi chân vuông, khoảng cách từ đầu lá bầu đến đầu chân bầu cách nhau bao nhiêu thì đẻp:

- A. 1 cm.
-  B. 1,5 cm.
- C. 2 cm.
- D. 2,5 cm.

Câu 116: Thẻ từ đẻt bầu lá sen, thân và dây viẻn của công đẻn tra bầu vào thân nhẻ sau:

-  A. Thân nẻm đẻi, một phẻi hẻng lên ->bầu nẻm trên một phẻi hẻng lên -> đẻnh áo -> dây viẻn.
- B. Thân nẻm đẻi, một phẻi hẻng lên -> bầu nẻm trên một phẻi hẻng lên -> dây viẻn -> đẻnh áo.
- C. Thân nẻm đẻi, một phẻi hẻng lên -> đẻnh áo ->dây viẻn -> bầu nẻm trên cùng một phẻi hẻng lên.
- D. Bầu áo nẻm đẻi, một phẻi hẻng lên -> thân nẻm trên một phẻi hẻng lên -> dây viẻn -> đẻnh áo.

Câu 117: Tra dây kéo vào thân quần bên phải cách cấn ngoài của rãnh dây kéo.:



- A. 0,2 cm.
- B. 0,3 cm.
- C. 0,1 cm.
- D. 0,5 cm.

Câu 118: Thông số xác định chiều dài đường xỏ đui với đường xỏ 1,2 tr là:



- A. 15->18 cm.
- B. 16->19 cm.
- C. 14->17 cm.
- D. Tùy ý.

Câu 119: Hai cái túi m 2 viên b chng lên nhau do :



- A. Bm m miing túi ch a t i góc
- B. May 2 đường đnh hình miing túi nh hơn thành phm c i túi.
- C. Không vu t êm chi ti t khi may ch n l i i gâ.
- D. Xe 2 viên không đ u nhau.

Câu 120: Đ túi m hai viên tròn, êm, đ p thì phải thi t k v i c i túi:



- A. Canh ngang
- B. Canh d c
- C. Canh xéo
- D. Canh nào cũng đ c

Câu 121: Ph ng pháp đo vòng c



- A. Đo quanh chân c n i nh nh t vòng qua l m c
- B. Đo quanh chân c n i nh nh t phía tr c di n
- C. Đo quanh chân c n i to nh t phía bên hông
- D. Đo quanh chân c n i to nh t vòng qua l m c

Câu 122: Trong may công nghiệp, th c hi n nh th nào khi v i có đ co rút:



- A. C t ch a đường may nhi u hơn 2cm
- B. i v i cho rút tr c khi i keo
- C. C ng đ rút c a v i khi thi t k r p
- D. Thi t k theo c n b n c ng đ rút vào khi c t v i

Câu 123: S n ph m đ c viên tròn khi c t bán thành ph m t i các v trí c n viên :



- A. Không c n ch a đường may.
- B. Ch a đường may 0,5 cm.
- C. Ch a đường may 0,5-> 1cm.
- D. Ch a đường may 1,5 cm.

Câu 124: Công thức h<sub>1</sub> nách thân sau của áo nam căn bản:



- A.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 2 lần ch<sub>1</sub>m vai
- B.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 2cm
- C.  $\frac{1}{2}$  vòng nách + ch<sub>1</sub>m vai
- D.  $\frac{1}{2}$  vòng nách – ch<sub>1</sub>m vai

Câu 125: Người có vai to, nên chọn loại tay áo nào:

- A. Tay loe
- B. Tay phồng
- C. Tay sát nách



- D. Tay căn bản

Câu 126: Các vị trí th<sub>1</sub>ng đính b<sub>1</sub> trên s<sub>1</sub>n ph<sub>1</sub>m nh<sub>1</sub> sau:

- A. Trên túi áo s<sub>1</sub> mi; trên túi áo vest; trên passant qu<sub>1</sub>n tây.
- B. Trên passant, mi<sub>1</sub>ng túi qu<sub>1</sub>n tây; trên lai qu<sub>1</sub>n; lai áo.
- C. Trên passant, mi<sub>1</sub>ng túi qu<sub>1</sub>n tây; trên c<sub>1</sub>a qu<sub>1</sub>n tây; trên túi áo jacket.
- D. Trên passant, mi<sub>1</sub>ng túi qu<sub>1</sub>n tây (túi d<sub>1</sub>c, túi xéo, túi m<sub>1</sub> 1,2 vi<sub>1</sub>n); trên c<sub>1</sub>a qu<sub>1</sub>n tây.



Câu 127: Đường x<sub>1</sub> không tr<sub>1</sub> sau khi may xong góc s<sub>1</sub>n ph<sub>1</sub>m không nh<sub>1</sub>n b<sub>1</sub> nh<sub>1</sub>u góc là do:

- A. B<sub>1</sub>m l<sub>1</sub> góc làm đ<sub>1</sub>t ch<sub>1</sub>.
- B. B<sub>1</sub>m ch<sub>1</sub>a t<sub>1</sub>i góc.
- C. May đ<sub>1</sub>nh hình n<sub>1</sub>p tr<sub>1</sub> lên thân không đúng theo đ<sub>1</sub>ng thành ph<sub>1</sub>m đã l<sub>1</sub>y d<sub>1</sub>u.
- D. Không ép keo góc tr<sub>1</sub> lên thân áo.



Câu 128: Lót túi trên c<sub>1</sub>a túi m<sub>1</sub> 1 hoặc 2 vi<sub>1</sub>n <sub>1</sub> thân sau qu<sub>1</sub>n tây đ<sub>1</sub>c :

- A. Kéo lên ngang b<sub>1</sub>ng vị trí c<sub>1</sub>a lót túi trên.
- B. Kéo lên ngang b<sub>1</sub>ng vị trí mi<sub>1</sub>ng túi.
- C. Kéo lên trên ngang b<sub>1</sub>ng bán thành ph<sub>1</sub>m l<sub>1</sub>ng qu<sub>1</sub>n.
- D. Kéo lên trên ngang b<sub>1</sub>ng thành ph<sub>1</sub>m l<sub>1</sub>ng qu<sub>1</sub>n.



Câu 129: Xác đ<sub>1</sub>nh canh s<sub>1</sub>i cho dây làm caravat:

- A. T<sub>1</sub>t c<sub>1</sub> đ<sub>1</sub>u đúng
- B. Canh d<sub>1</sub>c
- C. Canh xéo 45°
- D. Canh ngang



Câu 130: Ph<sub>1</sub>ng pháp đo h<sub>1</sub> g<sub>1</sub>i qu<sub>1</sub>n tây

- A. Đo t<sub>1</sub> x<sub>1</sub> eo đ<sub>1</sub>n trên g<sub>1</sub>i 1cm
- B. Đo t<sub>1</sub> h<sub>1</sub> eo đ<sub>1</sub>n ngang g<sub>1</sub>i
- C. Đo t<sub>1</sub> ngang eo đ<sub>1</sub>n trên g<sub>1</sub>i 1cm
- D. Đo t<sub>1</sub> ngang eo đ<sub>1</sub>n d<sub>1</sub>i g<sub>1</sub>i 1cm



Câu 131: S<sub>1</sub>p th<sub>1</sub> t<sub>1</sub> các công đo<sub>1</sub>n d<sub>1</sub>i theo đúng qui trình may v<sub>1</sub>y:

- A. Ráp sườn, rồi ráp sườn  
C. Tra dây kéo dẫu trước hoặc sau  
E. Khoá dẫu dây kéo
- B. Ráp sườn trên nắp lưng, rồi ráp  
D. Tra lưng, mí lưng  
F. Lộn lại

A. C,B,A,D,E,F .

B. B,A,C,D,E,F .

 C. C,A,B,D,E,F.

D. C,A,D,B,F,E .

Câu 132: Thành phẩm dây kéo quần tây bẻ hẻ là do :

A. Không may dây kéo theo dẫu đường may thành phẩm.

B. Khi may dây kéo vào thân quần trước bên phải không may cách thành phẩm đáy vạt phía lưng 0,3 cm và cách điểm cuối đường xẻ là 0,7 cm.

 C. Khi may dây kéo vào thân quần trước bên phải không may cách thành phẩm đáy vạt phía lưng 0,7 cm và cách điểm cuối đường xẻ là 0,3 cm.

D. Bẻ thân dây kéo bẻ cong.

Câu 133: Trong thiết kế, cổ thò ngỗng được phân ra làm 3 vùng chính: A (1), B (2), C (3)

A. (1) từ đỉnh đầu đến eo (2) từ eo đến gót chân (3) Chiều cao cổ thò

 B. (1) từ đỉnh đầu đến ngực (2) từ ngực đến eo (3) từ eo đến gót chân

C. (1) Chiều cao cổ thò (2) từ đỉnh đầu đến eo (3) từ eo đến gót chân

D. (1) Chiều cao cổ thò (2) từ eo đến gót chân (3) từ đỉnh đầu đến eo

Câu 134: Cách đặt cổ túi 1 viên khi may định hình miệng túi dãi như sau :

A. Đặt cổ túi lên thân, điểm lấy dẫu trên cổ trùng dẫu miệng túi trên, cấnh với gập đôi quay ra ngoài miệng túi, mép với lộn nôm dãi, may định hình miệng túi.

B. Đặt cổ túi lên thân, điểm lấy dẫu trên cổ trùng dẫu miệng túi dãi, cấnh với gập đôi quay vạt hường miệng túi, mép với lộn nôm dãi, may định hình miệng túi.

C. Đặt cổ túi lên thân, điểm lấy dẫu trên cổ trùng dẫu miệng túi dãi, cấnh với gập đôi quay vạt hường miệng túi, mép với lộn nôm trên, may định hình miệng túi.

 D. Đặt cổ túi lên thân, điểm lấy dẫu trên cổ trùng dẫu miệng túi dãi, cấnh với gập đôi quay ra ngoài miệng túi, mép với lộn nôm dãi, may định hình miệng túi.

Câu 135: Công thức tính kích thước chiều ngang dây viền của đường viền tròn chít bưng:

A.  $2 \times (3 \text{ lần thành phẩm viền} + 2 \text{ mm})$ .

B.  $2 \times (2 \text{ lần thành phẩm viền} + 2 \text{ mm})$ .

 C.  $4 \text{ lần thành phẩm viền} + 2 \text{ mm}$ .

D. Thành phẩm viền + 1,2 cm đường may.

Câu 136: Chiều dài dây kéo giắt nóc khi tra vào thân được xác định bằng:

 A. Chiều dài đường xẻ + 3 - 4 cm.

B. Chiều dài đường xẻ.

C. Chiều dài đường xẻ + 2 cm.

D. Tùy ý.

Câu 137: Công đoạn nào sau đây không thuộc qui trình may viền tròn đôi

 A. Ép keo dây viền.

B. Lộn gập đôi dây viền.

C. May dây viền vào thân sên phôm.

D. Diều lút khe viền.

Câu 138: Trong sên xuất may công nghiệp sê dêng loô i vôi Uni (vôi màu), có chi tiết của sên phôm b khác màu (sê đê t do) là do:



A. Vôi bị loang màu

B. Canh sê i của chi tiết không đêng nhât

C. Phôi đi sê đê môt chiêu

D. Phôi đi sê đê môt hêng

Câu 139: Nêu phêng pháp thiêt kô túi xéo đê khi may túi đê t yêu cầu kô thuât :

A. Lây dêu túi trên thân, trên đáp túi, nêp túi

B. Lây dêu túi trên đáp, côi túi, nêp túi



C. Lây dêu túi trên thân, trên đáp

D. Lây dêu đáp túi, nêp túi, lót túi

Câu 140: Nguyên nhân gây nên trê không vuông góc khi may đêng xê 2 trê là:

A. Lây dêu trê trên thân chê a chính xác.

B. May 2 đêng đênh hình trê không song song và bêng nhau.

C. Không xêp trê ngay ngên trê c khi may chên lôi i gà.



D. Tôt cê các câu trên đêu đúng.

Câu 141: Khi lút mép vôi vào trong hay ra ngoài đê i vôi viền dêp ê nhêng chê cong gôt ta xê lý

A. Dùng kéo bêm sát đêng may .

B. Gôt bôt mép vôi còn 2 - 3 mm.



C. Gôt bôt mép vôi còn 2 - 3 mm hoêc bêm ê nhêng điêm cong.

D. Bêm ê nhêng điêm cong gôt.

Câu 142: Dêng cê dùng đê đo các vòng cong trên cê thê yêu cầu phôi đê t chôt lêng kô thuât :

A. Thêng, mêm, đàn hêi têt

B. Cong đêu, không giãn



C. Thêng, mêm, không giãn, thông sê rõ ràng

D. Mêm, nhê, thông sê rõ ràng

Câu 143: Hiên têng thun quên sau khi tra xong bê xêp ly là do:

A. Không cê đênh thun tê i các vê trí đã lây dêu.



B. Diêu thun không kéo căng thun dàn đêu trên lêng .

C. Mép vôi không ôm sát thun.

D. Côt thun quên không đúng thông sê.

Câu 144: Sau khi viền xong đêng viền tròn, thành phôm viền bê vên là do:

A. Kéo dây viền trong khi may viền.



B. Côt dây viền không đúng canh xéo  $45^0$ .

- C. Chiều ngang dây viền không đủ rộng đủ béc mép vùi.
- D. Không ép keo dây viền.

Câu 145: Để may túi mọt viền có thành phom miệng túi là 12cm x 1,2 cm ta cắt keo còi túi nh sau:

- A. Chiều dài là 12 cm , chiều rộng là 3 cm.
- B. Chiều dài là 13 cm, chiều rộng là 3,5cm .
-  C. Chiều dài là 14 -> 15 cm, chiều rộng là 4 cm.
- D. Chiều rộng là 16 cm, chiều dài là 5 cm.

Câu 146: Để thông số đo đạt yêu cầu kỹ thuật:

- A. Ngồi để đo phải đứng thông
- B. Ngồi đo đứng ngay ngắn
-  C. Xác định đúng vị trí cần đo
- D. Quan sát hình dáng ngồi để đo

Câu 147: Dáng ngồi nào cần còng thêm sa vút:

- A. Ngồi dẹt
- B. Ngồi gù
-  C. Ngồi mốp, có bồng
- D. Ngồi mốp, không bồng

Câu 148: Khi đo các vòng ngang của cổ thể để áp dụng công thức thiết kế thì phải:

- A. Đo sát và hơi chít thọc dây
- B. Đo sát nhưng có còng thêm cổ đứng
- C. Đo thoải mái luồn ngón tay vào lúc đầu có cổ đứng
-  D. Đo vừa sát, thông thọc dây

Câu 149: Nếu phương pháp thiết kế túi hàm ếch để may túi đạt yêu cầu kỹ thuật :

-  A. Lấy đầu túi trên thân, trên đáy túi, nẹp túi
- B. Lấy đầu túi trên đáy túi, còi túi, nẹp túi
- C. Lấy đầu túi trên thân, trên đáy túi
- D. Lấy đầu đáy túi, nẹp túi, lót túi

Câu 150: Còi túi mọt 1 viền bị phồng do :

- A. Hai đường may định hình miệng túi bị so le.
- B. May chần lỏi gà chưa tời góc bím.
- C. Quá trình may không vuốt êm chi tiết.
-  D. Không kéo còi túi cho thông trước khi may chần lỏi gà.

Câu 151: Quy trình may đường x không tr theo thứ tự sau:

- A. Ép keo nẹp -> lấy đầu tr trên thân và nẹp -> may định hình đường x tr -> diều còng nẹp -> bím x tr -> may hoàn chỉnh tr -> tra bâu vào thân .
- B. Ép keo nẹp -> lấy đầu tr trên thân và nẹp -> may định hình đường x tr -> diều còng trong nẹp khuy -> tra bâu vào thân -> bím x tr -> may hoàn chỉnh tr.

C. Ép keo nẹp -> lấy dùi trổ trên thân và nẹp -> may định hình đường xỏ trổ -> điều chỉnh trong nẹp khuy -> bím xỏ trổ -> tra bầu vào thân -> điều chỉnh trổ .



D. Ép keo nẹp -> lấy dùi trổ trên thân và nẹp -> may định hình đường xỏ trổ -> điều chỉnh nẹp -> bím xỏ trổ -> tra bầu vào thân -> may hoàn chỉnh trổ .

Câu 152: Hãy xác định nguyên liệu may:



A. Vải

B. Sút

C. Thuyến

D. Chì

Câu 153: Công thức ngang ngực thân trước của áo đầm (có cạp đường toàn phần 4cm):



A.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 1,5cm

B.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 1cm

C.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 0,5cm

D.  $\frac{1}{4}$  vòng ngực + 2cm